

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2018/HNGĐ-ST

Ngày 05-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Niềm**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tua**.

2. Ông **Nguyễn Đông Hà**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Quyền Trân** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Lan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2018/TLS-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Sơn Thị H**, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp A, xã V7, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp A, xã V3, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án tại văn bản ngày 23/5/2018 bà **Sơn Thị H** trình bày: Bà với ông **K** được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới khoảng năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng về sau do bất đồng quan điểm đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, nên khoảng cuối năm 1996 vợ chồng ly thân cho đến nay.

Bà **H** xác định vợ chồng không sống chung thời gian dài, tình cảm cũng không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **K**.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Pha L (nữ), sinh năm 1990. Con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do điều kiện sức khỏe và việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết sau này của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Minh K tại văn bản ngày 23/5/2018 trình bày: Ông thống nhất với phân trình bày của của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản. Ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông với bà H có 01 con chung là Nguyễn Thị Pha L (nữ), sinh năm 1990. Con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, nên ông cũng không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông cũng yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết sau này của Tòa án do điều kiện sức khỏe và đi lại gặp khó khăn.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký là đúng theo quy định. Các đương sự chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Sơn Thị H với ông Nguyễn Minh K là vợ chồng.

Về con chung: đã trưởng thành, không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H và ông K đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà.

[2] Về thẩm quyền: Ông K có nơi cư trú ấp 3A, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, nên căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: quá trình giải quyết vụ án cả bà H và ông K đều xác định ông bà ly thân khoảng cuối năm 1996 đến nay, hiện tình cảm không còn, ai cũng có cuộc sống riêng và không có khả năng hàn gắn nên cả hai ông bà đều yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, bà Sơn Thị H và ông Nguyễn Minh K được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống

ông bà không đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận, nên khi ông bà có yêu cầu được ly hôn Tòa án sẽ căn cứ vào quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà H với ông K là vợ chồng.

[4] Về con chung: có 01 người con tên Nguyễn Thị Pha L, sinh năm 1990, đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, nên không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: và nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà H phải nộp theo quy định.

Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Sơn Thị H với ông Nguyễn Minh K là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0015832, ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành tiền án phí. Bà H đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDST huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Ngọc Niêm

